

# ẢNH HƯỞNG CỦA CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU LAO ĐỘNG TỚI TĂNG TRƯỞNG NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG XÃ HỘI CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2016-2021

Trần Thị Thanh Hương  
Học viện Ngân hàng

Cơ cấu kinh tế (CCKT) và chuyển dịch CCKT (CDCCKT) luôn nhận được sự quan tâm của hầu hết các quốc gia. Một quốc gia có CCKT và sự CDCCKT hợp lý sẽ giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tại Việt Nam, Đại hội lần thứ XIII của Đảng xác định nhiệm vụ cho giai đoạn 2021-2025: “Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân 5 năm đạt khoảng 6,5 - 7%/năm. Đến năm 2025, GDP bình quân đầu người khoảng 4.700 - 5.000 USD; đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt khoảng 45%; tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân trên 6,5%/năm; tỉ lệ đô thị hóa khoảng 45%; tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đạt trên 25%; kinh tế số đạt khoảng 20% GDP”; và định hướng phát triển giai đoạn 2021-2030 là: “Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”.

## 1. Ảnh hưởng của chuyển dịch cơ cấu lao động theo nhóm ngành kinh tế

Việt Nam bước vào thực hiện nhiệm vụ phát triển KTXH giai đoạn 5 năm (2016-2020) trong bối cảnh cạnh tranh thương mại quốc tế ngày càng gay gắt, độ mở của nền kinh tế cao, sức chống chịu của nền kinh tế còn hạn chế. Đặc biệt là đầu năm 2020, dịch bệnh Covid-19 đã gây ảnh hưởng nặng nề đến kinh tế của Việt Nam. NSLĐXH của Việt Nam tăng liên tục từ 2016 đến 2019 (chi tiết bảng 1). Nhưng đến năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, NSLĐXH của Việt Nam có sự sụt giảm đáng kể, chỉ tăng 4,897%. Sang năm 2021, với những nỗ lực của Chính phủ, nền kinh tế Việt Nam đã phục hồi đáng kể, NSLĐXH của Việt Nam tăng tới 12,045%. Nếu xét theo giai đoạn kế hoạch 5 năm, thì năm 2020 so với 2016, NSLĐXH của Việt Nam đã có sự tăng trưởng đáng mừng (tăng 41,503%).

**Bảng 1: Ảnh hưởng chuyển dịch CCLĐ theo nhóm ngành kinh tế đến NSLĐXH của Việt Nam giai đoạn 2016-2021, %**

Giai đoạn	Tốc độ tăng NSLĐXH	Mức độ đóng góp, do:			Tốc độ tăng NSLĐXH	Tỷ trọng đóng góp, do:		
		NSLĐ của các nhóm NKT	Chuyển dịch CCLĐ giữa các nhóm NKT	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp		NSLĐ của các nhóm NKT	Chuyển dịch CCLĐ giữa các nhóm NKT	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp
A	(1) = (2) + (3) + (4)	(2)	(3)	(4)	(5) = (6) + (7) + (8)	(6)=(2)/(1)	(7)=(3)/(1)	(8)=(4)/(1)
2016	6,220	3,390	2,270	0,560	100	54,501	36,491	9,008
2017	6,217	3,922	1,753	0,542	100	63,087	28,199	8,714
2018	6,329	3,490	2,346	0,493	100	55,146	37,065	7,789
2019	6,619	3,113	2,929	0,577	100	47,032	44,247	8,722
2020	4,879	3,379	1,229	0,271	100	69,258	25,185	5,557
2021	12,045	7,697	3,246	1,102	100	63,905	26,945	9,151
<b>GĐ 2016-2020</b>	<b>41,503</b>	<b>25,241</b>	<b>13,086</b>	<b>3,18</b>	<b>100</b>	<b>60,817</b>	<b>31,531</b>	<b>7,652</b>

Nguồn: Xử lý của tác giả theo phương pháp SSA; số liệu Niên giám thống kê, TCTK. NSLĐ tính theo giá cơ bản và giá so sánh 2010



Sự tăng trưởng NSLĐXH của Việt Nam chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố. Số liệu bảng 1 cho thấy, sự tăng trưởng NSLĐXH không chỉ do NLSĐ của từng nhóm ngành kinh tế, mà còn có sự đóng góp của sự CDCCLĐ giữa các nhóm ngành kinh tế. Trong giai đoạn kế hoạch 5 năm (2016-2020), sự CDCCLĐ giữa các nhóm ngành kinh tế đóng góp 31,531% vào sự tăng trưởng NSLĐXH, trong đó cao nhất là năm 2019 (đóng góp 44,247%), thấp nhất là năm 2020 (đóng góp 25,181%). Kết quả này cho thấy các biện pháp tái cơ cấu và cải cách hành chính tại Việt Nam đã đạt những hiệu quả nhất định.

Để tìm hiểu ảnh hưởng của sự CDCCLĐ giữa các nhóm NKT đến tăng trưởng NSLĐXH của Việt Nam, tác giả sử dụng phương pháp phân tách do Van Ark (1995) đề xuất để bóc tách tác động CDCCLĐ thành hai cấu phần, gồm tác động “tĩnh” và tác động “động”. Số liệu ở bảng 2 cho thấy, cấu phần “tĩnh” đóng góp chủ yếu vào tăng trưởng NSLĐXH của Việt Nam giai đoạn 2016-2021. Kết quả bóc tách chứng tỏ trong giai đoạn 2016-2021, đóng góp của CDCCLĐ vào tăng NSLĐXH chủ yếu do tác động của di chuyển LĐ từ nhóm ngành kinh tế có mức NSLĐ thấp sang nhóm ngành kinh tế có mức NSLĐ cao hơn. Cấu phần “động” mang dấu âm ở các năm 2016, 2019 và 2021, tức là ở những năm này đóng góp của CDCCLĐ vào tăng NSLĐXH có sự suy giảm. Sự di chuyển LĐ từ nhóm ngành NLTS có NSLĐ thấp sang các nhóm ngành CNXD và DV có NSLĐ cao hơn trong những năm này gần như không có đóng góp, mà thậm chí còn làm giảm tăng trưởng NSLĐ của những nhóm ngành này. Nguyên nhân này có thể do lao động làm việc trong nhóm ngành NLTS hầu như chưa được đào tạo chuyên môn kỹ thuật, chủ yếu chuyển sang những ngành CNXD và DV có NSLĐ thấp nên không làm cải thiện NSLĐ ở hai nhóm ngành này.

**Bảng 2: Ảnh hưởng của chuyển dịch CCLĐ theo nhóm ngành kinh tế vào NSLĐXH của Việt Nam giai đoạn 2016-2021: Phân tách theo tác động “tĩnh” và “động”, %**

Năm	Tốc độ tăng NSLĐXH	Đóng góp của NSLĐ bản thân nhóm NKT	Đóng góp của CDCCLĐ			Đóng góp của thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm
			Đóng góp thuần	Trong đó		
				Tác động “tĩnh”	Tác động “động”	
A	(1)=(2)+(3) + (6)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
2016	6,220	3,390	2,270	2,371	-0,102	0,560
2017	6,217	3,922	1,753	1,708	0,046	0,542
2018	6,329	3,490	2,346	2,323	0,023	0,493
2019	6,619	3,113	2,929	3,122	-0,194	0,577
2020	4,879	3,379	1,229	1,222	0,007	0,271
2021	12,045	7,697	3,246	3,369	-0,124	1,102
<b>GĐ 2016-2020</b>	<b>41,503</b>	<b>25,241</b>	<b>13,086</b>	<b>13,057</b>	<b>0,029</b>	<b>3,18</b>

*Nguồn: Xử lý của tác theo phương pháp SSA, số liệu Niên giám thống kê, TCTK; NSLĐ tính theo giá cơ bản và giá so sánh 2010*

**2. Ảnh hưởng của chuyển dịch cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế**

Trong giai đoạn 2016-2021, sự CDCCLĐ theo TPKT có tác động tích cực tới tăng trưởng NSLĐXH của Việt Nam (chi tiết bảng 3). Mặc dù có tác động tích cực đến NSLĐXH, nhưng so với CDCCLĐ theo nhóm ngành kinh tế, đóng góp của CDCCLĐ vào NLSĐXH của Việt Nam thấp hơn (Số liệu bảng 1 và 3). Đóng góp chủ yếu vào tăng trưởng NSLĐXH của Việt Nam giai đoạn 2016-2021 là do NSLĐ của bản thân các TPKT. Xét theo giai đoạn 5 năm (2016-2020), NSLĐ của bản thân các TPKT làm NSLĐXH tăng 35,017% (chiếm 84,372%), sự CDCCLĐ giữa các TPKT làm tăng 3,602% (chiếm 8,678%). Không những vậy, đóng góp của CDCCLĐ theo TPKT vào tăng trưởng NSLĐXH trong hai năm 2019 và 2020 mang dấu âm. Điều này cho thấy sự CDCCLĐ giữa các TPKT ở hai năm này là chưa hợp lý, do đó không phát huy được hiệu quả. Nghị quyết số 68/NQ-CP cũng chỉ ra nguyên nhân khiến các TPKT hoạt động kém hiệu quả, đặc biệt là TPKT nhà nước: “Trong giai đoạn 2016 - 2021, hầu như các tập đoàn kinh tế, tổng công ty không khởi công các dự án, công trình mới,



nguồn lực đầu tư giảm dần. Các DNNN chưa liên kết chặt chẽ với nhau, chưa tạo điều kiện thuận lợi nhất để doanh nghiệp tư nhân, trong đó có các doanh nghiệp nhỏ và vừa cùng tham gia vào chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị. Công tác cổ phần hóa, thoái vốn còn chậm so với tiến độ đề ra, việc cơ cấu lại DNNN vẫn chưa mang tính toàn diện và đi vào thực chất”.

**Bảng 3: Ảnh hưởng của chuyển dịch CCLĐ theo TPKT đến NSLĐXH của Việt Nam giai đoạn 2016-2021, %**

Năm	Tốc độ tăng NSLĐXH	Mức độ đóng góp, do:			Tốc độ tăng NSLĐXH	Tỷ trọng đóng góp, do:		
		NSLĐ của các TPKT	Chuyển dịch CCLĐ giữa các TPKT	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp		NSLĐ của các TPKT	Chuyển dịch CCLĐ giữa các TPKT	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp
A	(1) = (2) + (3) + (4)	(2)	(3)	(4)	(5) = (6) + (7) + (8)	(6)=(2)/(1)	(7)=(3)/(1)	(8)=(4)/(1)
2016	6,220	4,583	1,076	0,560	100	73,687	17,305	9,008
2017	6,217	4,250	1,425	0,542	100	68,361	22,925	8,714
2018	6,329	5,361	0,475	0,493	100	84,712	7,500	7,789
2019	6,619	6,698	-0,656	0,577	100	101,188	-9,910	8,722
2020	4,879	4,620	-0,012	0,271	100	94,685	-0,242	5,558
2021	12,045	9,283	1,660	1,102	100	77,072	13,778	9,151
<b>GĐ 2016-2020</b>	<b>41,503</b>	<b>35,017</b>	<b>3,602</b>	<b>2,88</b>	<b>100</b>	<b>84,372</b>	<b>8,678</b>	<b>6,950</b>

Nguồn: Xử lý của tác giả theo phương pháp SSA, số liệu Niên giám thống kê, TCTK. NSLĐ tính theo giá cơ bản và giá so sánh 2010

**Bảng 4: Ảnh hưởng của chuyển dịch CCLĐ theo TPKT đến NSLĐXH của Việt Nam giai đoạn 2016-2021: Phân tích theo tác động “tĩnh” và “động”, %**

Giai đoạn	Tốc độ tăng NSLĐXH	Đóng góp của NSLĐ bản thân các TPKT	Đóng góp của chuyển dịch CCLĐ			Đóng góp của thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm
			Đóng góp thuần	Trong đó		
				Tác động “tĩnh”	Tác động “động”	
A	(1)=(2)+(3) + (6)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
2016	6,220	4,583	1,076	1,193	-0,116	0,560
2017	6,217	4,250	1,425	1,628	-0,203	0,542
2018	6,329	5,361	0,475	0,468	0,007	0,493
2019	6,619	6,698	-0,656	-0,550	-0,106	0,577
2020	4,879	4,620	-0,012	-0,005	-0,007	0,271
2021	12,045	9,283	1,660	1,582	0,078	1,102
<b>GĐ 2016-2020</b>	<b>41,503</b>	<b>35,017</b>	<b>3,602</b>	<b>3,573</b>	<b>0,029</b>	<b>2,88</b>

Nguồn: Xử lý của tác giả theo phương pháp SSA, số liệu Niên giám thống kê, TCTK. NSLĐ tính theo giá cơ bản và giá so sánh 2010



Theo số liệu bảng 4, trong giai đoạn 2016-2021, tác động “tĩnh” đóng góp tích cực vào tăng trưởng NSLĐXH của Việt Nam (trừ năm 2019 và 2020). Cấu phần “động” mang dấu âm ở hầu hết các năm, tức là làm giảm tác động của CDCCLĐ vào tăng trưởng NSLĐXH (trừ năm 2018 và 2021). Tuy nhiên trong năm 2019-2020, có sự di chuyển LĐ từ TPKT có mức NSLĐ cao sang TPKT có mức NSLĐ thấp. Năm 2018 và năm 2021, sự di chuyển LĐ giữa các TPKT chưa phù hợp, do đó đã làm giảm tác động của CDCCLĐ vào tăng trưởng NSLĐXH của Việt Nam. Xét theo giai đoạn 5 năm (2016-2020), tác động của CDCCLĐ theo TPKT chủ yếu là do di chuyển LĐ từ TPKT có mức NSLĐ thấp hơn sang TPKT có mức NSLĐ cao hơn. Năm 2020 so với năm 2016, tác động “tĩnh” đóng góp 3,573%; tác động “động” đóng góp 0,029%.

#### **Kết luận và khuyến nghị**

Kết quả ước lượng ảnh hưởng của CDCCLĐ đến tăng trưởng NSLĐXH của Việt Nam bằng phương pháp SSA cho thấy: Sự CDCCLĐ theo nhóm ngành kinh tế của Việt Nam giai đoạn 2016-2021 có tác động tích cực tới tăng trưởng NSLĐXH. Sự CDCCLĐ theo TPKT có tác động tích cực tới NSLĐXH của Việt Nam, tuy nhiên, mức độ tác động là thấp và chưa đều qua các năm. Như vậy, để góp phần thúc đẩy tăng trưởng NSLĐXH của Việt Nam, cần:

*Thứ nhất*, đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại vào sản xuất; sử dụng lao động một cách có hiệu quả để thúc đẩy tăng NSLĐ của bản thân các nhóm ngành kinh tế và các TPKT. Song song với các chính sách tăng cường phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo

cần quan tâm đến các chính sách đào tạo và phát triển nhân lực có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhằm đáp ứng được yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế, từ đó góp phần nâng cao NSLĐ.

*Thứ hai*, các chính sách liên quan đến CDCCLĐ cần phù hợp với đặc điểm của từng nhóm NKT, từng TPKT, đặc biệt là các chính sách phát triển NKT, TPKT cần hướng vào tăng NSLĐ đi cùng với tăng việc làm nhằm thu hút sự chuyển dịch LĐ vào những ngành có mức NSLĐ cũng như tốc độ tăng NSLĐ cao.

*Thứ ba*, cần quan tâm đến chính sách thúc đẩy chuyển dịch CCLĐ giữa các TPKT một cách hợp lý. Tăng cường sự kết nối giữa doanh nghiệp thuộc các TPKT; đổi mới phát triển kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác xã. Thực hiện tốt các chính sách cơ cấu lại và phát triển doanh nghiệp nhà nước. Thực hiện tốt Nghị quyết số 68/NQ-CP về việc đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNN. Thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đặc biệt là: “Cơ cấu lại hệ thống doanh nghiệp, phát triển lực lượng doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh, tăng cường gắn kết giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước. Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước theo hướng tập trung vào những lĩnh vực then chốt, địa bàn quan trọng, quốc phòng, an ninh; lành mạnh hoá tài chính, nâng cao trình độ công nghệ, năng lực đổi mới sáng tạo, quản trị hiện đại theo chuẩn mực quốc tế để nâng cao hiệu quả hoạt động, thực hiện tốt vai trò là lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước”.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Fabricant, S. (1942). Front matter, tables of content, preface. In *Employment in Manufacturing, 1899-1939: An Analysis of Its Relation to the Volume of Production* (pp. 19-0). NBER.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập 1, Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
3. Nghị quyết số 54/NQ-CP ban hành ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025.
4. Nghị quyết số 68/NQ-CP ban hành ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về việc đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty trong phát triển kinh tế xã hội.
5. Nguyễn Thị Tuệ Anh (2007). Đánh giá đóng góp của các ngành kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế tới tăng trưởng năng suất lao động ở Việt Nam, Đề tài khoa học cấp Bộ, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương
6. Trần Thị Thanh Hương (2015). *Tác động của chuyển dịch cơ cấu lao động theo nhóm ngành kinh tế tới tăng trưởng kinh tế của Việt nam giai đoạn 2005-2013*, Tạp chí Khoa học Đào tạo Ngân hàng, Số 6/2015, trang 1-8.
7. Trần Thị Thanh Hương (2016). Đánh giá tác động của chuyển dịch cơ cấu theo thành phần kinh tế tới tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Kỷ yếu hội thảo quốc gia “Thống kê và tin học ứng dụng”, Nhà xuất bản Đà Nẵng.
8. Van Ark, B. (1995). Sectoral Growth Accounting and Structural Change. *Postwar Europe*.